

## LỜI DẪN

### Chương I. — Tính-cách một danh-từ khoa-học.

Phạm đặt một danh-từ khoa-học, phải theo những điều-kiện sau này :

1° — Mỗi một ý phải có một danh-từ để gọi.

2° — Danh-từ ấy phải riêng về ý ấy.

3° — Một ý đừng có nhiều danh-từ.

4° — Danh-từ phải làm cho dễ nhớ đến ý.

5° — Danh-từ trong các môn phải thành một toàn-thể duy-nhất và liên-lạc.

6° — Danh-từ phải gọn.

7° — Danh-từ phải có âm-hưởng Việt-âm.

8° — Danh-từ phải đặt theo lối đặt các tiếng thường và phải có tính-cách quốc-gia.

Đó là những điều-kiện để làm phương-châm cho ta trong khi đặt một danh-từ. Năm điều trên thuộc về nội-dung và ba điều dưới thuộc về hình-thức. Nhưng không phải lúc nào ta cũng có thể làm đủ tất cả những điều-kiện ấy. Sau này lời bàn từng điều-kiện một và dẫn thí-dụ để làm chứng.

1° — Mục-dịch ta là làm sao cho mỗi ý về khoa-học có một danh-từ để gọi, như là mỗi người trong một họ, một nước phải có một tên. Lễ tất nhiên là lúc ta đặt tên cho hàng ức hàng vạn ý, thế nào ta cũng còn bỏ sót. Và có những ý dần dần sẽ phát-minh. Vậy, không những ta phải đặt những danh từ xét bây giờ, và ta lại dự-bị để đặt những danh-từ còn thiếu.

Vì thế cho nên ta không thể dùng chữ đọc-âm mà đặt nên toàn-thể danh-từ khoa-học được. Phần lớn ta phải dùng chữ đời, chữ ba thì mới mong đủ chữ dùng.

2°, 3° — Trong thường-ngữ, hay có tiếng đồng-âm dĩ-nghĩa, hoặc trái lại đồng-nghĩa dị âm. Về khoa-học ta nên tránh những

loại ấy. Sau này tôi lấy ý khoa-học bằng tiếng Pháp, tiếng khoa-học Pháp đặt ra lần lần nên còn có vài sự bất-tiện như vậy. Ví dụ, tiếng *atome* chỉ phần chất bé nhất một mà cũng chỉ một trọng-lượng của nguyên-tố sánh cùng một trọng-lượng *o-xy* bằng 16 gam hay bằng một phân-số hoặc một bội-số của 16 gam. Hai ý ấy ta nên đặt hai danh-từ khác nhau. Nghĩa đầu ta gọi *nguyên-tử* và nghĩa sau *đại nguyên-tử*. Ví dụ thứ hai : hai tiếng *chlorure, chlorhydrate* đồng một nghĩa ; tiếng thứ hai là do sự lạm-dùng luật danh-pháp hóa-học. Ta nên đặt bằng một tiếng mà thôi : *ơ-lo-rua*

Thí-dụ như vậy rất nhiều. Mỗi lúc ta gặp một chữ Pháp ta phải suy nghĩ xem chữ ấy có nhiều nghĩa không. Nếu có ta nên đặt mỗi tiếng cho mỗi ý (1).

Có đôi lúc, một tiếng Pháp có nhiều ý xa nhau, không thể hiểu lầm nhau, nếu dùng một danh-từ Việt-nam thì cũng chẳng ngại chi. Nhất là khi nào đặt danh-từ riêng rẽ không lợi thì lại càng nên làm như vậy. Ví dụ : tiếng *point* có thể là chỗ hai đường gặp nhau mà cũng có thể là chùng. Ta dùng một âm là *điêm* để chỉ hai ý ấy : *điêm uốn* là *point d'inflexion*, và *băng-điêm* là *point de congélation*.

Lúc ta gặp một tiếng Pháp, ta lại phải suy xét nó có đồng nghĩa với chữ nào nữa không. Nếu có thì ta không nên đặt chữ mới nữa. Nhưng cũng có lúc vì tập-quán nên đã có những tiếng thông-dụng. Vì những lẽ thuộc về khoa-học mà ta nên đặt chữ mới. Ta cũng nên giữ cả danh-từ cũ cho tiện sự dùng ngoài phạm-vi khoa-học. Tiếng Pháp có nhiều tiếng như vậy. Bên cạnh chữ *sel de cuisine* có chữ *chlorure de sodium*. Ta cũng giữ chữ *muối* bên cạnh chữ *ơ-lo-rua nat-ri*. Ý *hydrogène* sau này tôi sẽ đặt *hyt-rô* vì một lý khoa-học như tôi sẽ có dịp giảng tới, nhưng, lẽ tất nhiên là ta cứ phải để tiếng khinh-khí mà ta đã mượn của Trung-hoa cách đây vài mươi năm (2). Lại có lúc, một ý mà xét về phương-diện khác nhau, nên ở Pháp đã đặt những tiếng khác nhau. Ta cũng nên đặt phân-biệt tiếng. Ví dụ *carbures aromatiques* và *carbures cycliques* cũng là một loại, chữ trên đặt vì tính-chất lý-học, chữ dưới đặt vì tính-chất hóa-học. Ta cũng nên đặt hai tiếng : *cac-bua thơm* và *các-bua vòng*.

4° — Tuy là nói đặt danh-từ, nhưng không phải muốn đặt âm-nào thì đặt. Số âm có hạn, vậy không có thể dùng toàn âm mới được.

(1) Vì thiếu sự suy xét ấy nên đã có người dịch *exposition culturelle chinoise* ra trên làm sự trống tría Trung-quốc.

(2) Nhưng nay người Trung-quốc đã bỏ rồi và chỉ dùng chữ *Khinh*. Người mình hay có tính bất-chước mà không hay thay đổi. Áo quần ta mặc còn theo lối nhà Tống !

Và nếu có dùng được thì không lẽ gì, mà dùng âm một cách không có căn-cứ. Khi nào một ý khoa-học thực hoàn toàn không có gì liên-lạc với những ý thông-thường thì sự chọn âm không quan-ngại cho lắm. Nhưng thực ra, đại-đa-số ý khoa-học có gốc ở sự liên-thức thường. Vậy nên ta phải chọn chữ thế nào để cho dễ nhớ ý. Ví dụ: ý géométrie sẽ đặt là *hình-học*, tiếng *hình* dùng để nhắc đại-ý chữ géométrie.

Những chữ dùng làm gốc phần nhiều phải có kèm theo những chữ khác. Chớ những độc-âm phần nhiều đã có nghĩa rõ ràng sẵn rồi. Nghĩa khoa-học khi nào cũng chính-xác hơn nghĩa thường, nên không thể cho nó lẫn lộn được. Những chữ như *số*, *hơi* ta dùng đã quen, nay ta dùng vào khoa-học đã đành. Nhưng những tiếng như *tụ*, *tán* có nghĩa *converger*, *diffuser* lại không thể dùng để chỉ hai ý ấy về khoa-học được. Là bởi vì chữ *đầu* cũng có ý *accumuler* và chữ *sau* có ý *dispenser*. Vì thế ta chỉ nên lấy nó làm gốc mà phụ thêm vào một vài chữ khác để phân-biệt. Ta đặt *converger* là *qui-tụ*, và *diffuser* là *khuếch-tán*.

Trái lại, không phải dùng một hai âm mà dựng đủ cả các ý trong một danh-từ. Danh-từ chỉ là một tên gọi. Còn muốn hiểu rõ nghĩa thì phải học khoa-học hoặc tra tự-điển và sách giáo-khoa. Ở tiếng nước nào cũng vậy, người chưa học một ý gì thì có giỏi mười mươi cũng không thể thấy chữ mà đoán nghĩa được. Ví dụ, người chưa học khoa giải-tích thì tuy biết chữ *primitive* có hàm ý *đầu*, *trước*, *nguyên* chớ chẳng biết nó là gì. Nay ta đặt là *nguyên-hàm*. Người có giỏi tiếng Việt mà chưa học định-nghĩa của chữ ấy thì cũng không hiểu.

Chọn gốc chỉ để cho những người đã hiểu ý rồi có thể sau nhớ danh-từ cho dễ. Nguyên-hàm là một *hàm-số* nguyên nó có một *hàm-số* khác làm *đạo-hàm*. Vậy ý chính là *nguyên* và ý phụ là *hàm*. Đặt như thế thì người học chữ mới dễ nhớ.

Một thí dụ nữa. Người không học tinh-tường đại-số thì không hiểu nghĩa chữ *solution d'une équation*. Có người hiểu bập bễ thì tưởng nó là *racine* và đặt ngay là *rễ của phương-trình*. Nhưng, trước là *solution* có khi không phải là *racine*, sau nữa người học khoa-học bằng tiếng Việt-nam không hiểu tại đâu mà ý ấy lại dùng tiếng *rễ*. Chính thực ra thì *solution d'une équation* là một số mà lúc thay nó vào số chưa biết của phương-trình thì phương-trình nghiệm ra thành đúng lẽ. Vì thế mà ta đặt cả hai ý *solution* và *racine* bằng *nghiệm-số* thì dễ nhớ hơn.

50— Một điều rất quan-trọng là những danh-từ trong một ngành và của mọi ngành phải có liên-lạc với nhau. Lúc đặt một chữ

phải nghĩ đến cả toàn-thể khoa-học, xem có gì lân-cận với ý ta còn xét. Rồi so đo các ý ấy mà chọn tiếng và đề dành cho mỗi một ý một tên.

Vi dụ, gặp chữ *réflexion* mà chỉ biết nghĩa là “sự ánh sáng gặp vật gì tron láng mà chiếu trở lại” thì đặt ngay là *phản-chiếu*. Đến khi gặp *réflexion* ở âm-học và cơ-học thì *phản-chiếu* lại không hợp nữa. Vậy ta nên đặt là *phản-xạ* và đề dành *phản-chiếu* cho *réflexion de la lumière* và *réflecteur*.

Vi dụ thứ hai. Ý *dispersion de la lumière* dùng chữ *tán-quang* kể đã là hay. Nhưng ta xét những hiện-tượng lân-cận, ta sẽ thấy có *diffusion de la lumière* cũng có thể đặt là *tán-quang* được. Ta nên dành tiếng ấy cho hiện-tượng thứ hai, và gọi *dispersion de la lumière* là *tán-sắc*.

Vi dụ thứ ba, tôi lấy ở hóa-học. Ý *hydrogène*, xưa Trung-hoa dịch là *khinh-khí*. Minh bây giờ có nên dùng danh-từ ấy về khoa-học không? Theo phương-pháp đặt chữ hóa-học mà tôi sẽ giải sau này, tôi sẽ dùng lối phiên-âm. Nhưng cũng không phải phiên hết các âm trong tiếng Pháp. Trong khi đặt chữ này thì ta phải nghĩ tới các tên nguyên-tố khác như *oxygène*, *glycinium*, *strontium*, vân vân. Lại còn phải nghĩ đến những chất từ *hydrogène* mà sinh ra, như loại *hydrure*, *hydrate*, *hydroxyde*, . . . *hydrique*, *hydroxylamine*, vân vân. Xét như vậy thì mới thấy rằng *hyt-rô* là phải hơn cả, vì với *hyt-rô*, mà biến thành những chất *hyt-rua*, *hyt-rat*, *hyt-roc-xyt*, *hyt-ric*, *hyt-roc-xy-lamin*... Ta nên bỏ chữ đuôi đi vì chữ quốc-tế là *hydrogenium* dài quá và vô ích cho Việt-âm. Dùng tiếng *hyt-rô* là tiện cho khoa-học, chớ người thường muốn dùng *khinh-khí* như Trung-hoa ngày trước, hay lại muốn bắt chước dùng tiếng *khinh* như Trung-hoa ngày nay thì cũng tùy ý. Sự ấy không có quan-hệ cho khoa-học.

Trên đây là ba thí-dụ trong hàng nghìn thí-dụ mà tôi đã gặp trong lúc kiếm danh-từ. Chính đó là sự khó khăn nhất trong công việc đặt danh-từ khoa-học.

Ta cốt làm sao cho toàn-thể khoa-học có danh-từ liên-lạc và có tính-cách duy-nhất và tổng-quát. Vì lẽ ấy, cho nên hễ ta cần tới chữ nào đặt chữ nấy thì ắt là không hay. Vẫn biết người Âu-châu đã đặt như vậy. Nhưng mỗi lúc, họ chỉ cần đặt chữ để gọi một vài ý mới, và trong lúc đó thì các ý cũ đã có danh-từ cả rồi. Còn chúng ta nay phải giải-quyết một vấn-đề khác hẳn: *có hàng vạn ý mới tới trong óc ta. Ta trong một lúc phải tìm tên cho hàng vạn ý ấy.* Vì thế mà những điều-kiện kể trên đây rất là tối-khẩn.

60 — Trên đây là những tính-cách mà một danh-từ khoa-học cần có về phương-diện nội-dung. Sau này, tôi sẽ bàn đến hình-thức của một danh-từ thế nào thì có thể gọi là phải lẽ.

Danh-từ nên đặt gọn. Một ý mà biểu-diễn bằng một xâu âm dài thì không hợp với tai người nước ta.

Muốn thu gọn cũng là điều dễ. Ta không cần giảng ý. Quý hồ ta dùng một chữ gốc để nhắc ý như tôi đã giảng trên. Rồi nếu cần thì phụ-thuộc một vài âm khác nữa để cho đủ ý hay là để cho riêng rẽ. Ví như chữ hydrodynamique nghĩa là khoa-học về nước chảy và nói rộng ra thì khoa-học những sự chuyển-động của các chất lỏng. Ta có thể gọi gọn là *thủy-động-học*.

Đó là những ý đơn. Nhưng khoa-học phần lớn là ý kép. Như vậy ta phải ghép những tên gọi ý đơn lại mà đặt nên. Nếu ý đơn mà danh-từ không gọn thì ý kép danh-từ dài biết chừng nào. Ví-du ý *équation* có thể gọi là *phương-trình-thức*. Nhưng nó đi với rất nhiều ý khác mà thành những ý mới, như *équation linéaire*, *équation différentielle*, *équation aux dérivées partielles*, vân vân... Ta nên rút ngắn danh-từ đặt trên lại, thành *phương-trình* để chấp nó với chữ khác mà thành *phương-trình bậc nhất*, *phương-trình vi-phân*, *phương-trình có đạo-hàm riêng*. Hình như với lý-luận ấy, ta còn rút ngắn nó lại một bực nữa cho thành *phương* hay là *trình* chẳng hạn. Nhưng đây sợ có sự lẫm với âm khác, nên ta không nên rút ngắn nữa.

Cách rút ngắn ấy ta có thể dùng trong các ý kép. Ví dụ *aberration* đặt là *thu-sai* chớ không đặt là *sai* được, vì sợ nó lẫm với ý *erreur*. Nhưng lúc *aberration* đi với ý khác, như *aberration de sphéricité*, *aberration de la lumière*, *aberration chromatique*, vân vân... thì ta mới có thể dùng chữ *sai* một mình chấp với các chữ khác và không sợ lẫm như trên kia. Ta đặt thành: *cầu-sai*, *quang-sai*, *sắc-sai*. Phép này rất tiện vì nó giúp ta thu gọn được tên của hai ý đơn mà thành tên gọn cho ý kép. Xem như: *cầu-sai* là *thu-sai* về mặt cầu, *quang-sai* là *thu-sai* của ánh sáng từ các sao đến quả đất, thì biết cách đặt trên lợi biết bao nhiêu.

Phép ấy, xưa nay vẫn dùng trong tiếng ta: *Cách-vật trí trí* thành *cách-trí*, *danh-tiếng* và *giá-trí* thành *danh-giá*.

Phép bớt chữ trên này dùng để đặt danh-từ theo văn-phạm chữ nho rất dễ, chớ theo văn-phạm Việt-âm lại khó.

70— Danh-từ khoa-học bằng tiếng Việt-nam lẽ tất nhiên là phải có âm-hưởng Việt-âm. Trừ ra những tiếng chỉ những nghĩa thực là chuyên-môn thì không kể, còn những ý có dính dáng với những điều thường-thức thì ắt phải làm sao cho danh-từ có thể dùng lẫn vào trong câu nói thường mà không chối tai. Sự chối tai đây là thuộc về âm-điệu chớ không phải về nghĩa. Ví dụ trong hai tiếng *cô-nic* và *xi-pi-ra-lơ* thì tiếng trên có âm-điệu ta còn tiếng dưới không.

Một câu nói tiếng ta là một đoạn nhạc Vì thế mà cò câu cũng đủ ý-nghĩa mà nghe ra cụt cấn nên không thành câu. Nguyên-nhân phần nhiều vì những đọc-âm đứng vào địa-vị quan-trọng trong câu, nhất là ở cuối câu. Cũng vì lẽ ấy mà tiếng ta đã dật ra rất nhiều tiếng đôi gồm có hai âm mà chỉ có một âm có nghĩa và âm kia không thêm một ý, một biến-ý nào cả, ví-dụ *cơ-hội, tùy-theo*. Vì lẽ ấy mà ta đã từng chấp một âm ta với một chữ nho, mà hai chữ cũng đồng một nghĩa (phần nhiều chữ nho đứng trước) như là những tiếng *tùy theo, thờ phụng, danh tiếng, thì giờ* vân vân...

Ngoài lẽ về âm-hưởng, cách đặt chữ kép lại còn cho ta chú ý đến chữ ấy trong một câu và để hiểu câu. Nếu là đọc-âm thì lúc nó thoảng qua thính-quan một cách mau chóng, nên câu thành tối nghĩa.

80— Lúc đặt danh-từ khoa-học, ta cần quan-tâm đến lịch-sử, sự đặt các danh-từ khác trong tiếng Việt. Và cũng phải theo phương-pháp đặt những chữ ấy.

Tiếng Âu-châu phần lớn đã lấy gốc ở Hy-lạp, La-tinh. Tiếng Trung-hoa dùng lối tượng-hình, hội-ý và hài-thanh. Còn tiếng ta thì một phần là có lẽ thổ-âm xưa, một phần bé có liên-lạc với tiếng Ấn-độ, Mã-lai, và một phần lớn là ở tiếng Trung-quốc mà ra.

Tiếng Trung-quốc ta đã mượn bằng nhiều cách, một cách bằng văn-sách, một cách trực-tiếp. Cách đầu làm cho ta có không biết bao nhiêu những tiếng để chỉ những ý chuyên-môn hay trừu-tượng, như *địa-cầu, thiên-văn*. Cách thứ hai cho ta những tiếng thường mà bây giờ, nếu ta không để ý, thì không biết gốc nó nữa, ví-dụ như *sắt* (thiết 鐵, Trung-hoa đọc *sết*) *xưa* ( sơ 初 : tsou) *xem xét* (chiêm sát : 瞻察 *tchem tset*). Hạng chữ đầu ta đọc theo âm khác của tiếng nói của Trung-quốc, còn hạng thứ hai phần nhiều, ta đọc theo tiếng nói của họ. Không những người ta bây giờ đã quên gốc những chữ như vậy, còn biết bao nhiêu chữ ta dùng hằng ngày chính là chữ nho mà người không học chữ nho không nhận thấy nữa, ví dụ như *áo quần, sao chép, thẳng thốt, xa xỉ, thung dung* vân vân...

Nói tóm lại, chữ ta một phần lớn là mượn ở chữ Trung-quốc mà ra. Chữ đơn còn do-khả, chữ kép thì cực-kỳ là nhiều. Phần chữ nho trong tiếng ta nhiều đến nỗi, trong một áng văn-chương tiêu-biểu quốc-âm là quyển Kiều, mà không có mấy câu có thể gọi là hoàn toàn bằng tiếng nôm được. Người ta thường nói chỉ có vài câu như :

Này chồng, này mẹ, này cha,  
Này là em ruột, này là em dâu.

Thế cũng còn nhờ trong câu này có tới năm chữ trùng-điệp và những chữ kia là chỉ những người trong một họ. Chớ ý không có gì cao hay khó gì hết.

Trong thời cận-đại, văn-hóa Âu-châu tràn vào, ta lại có nhịp mượn âm của tiếng Pháp. Ta mượn âm Pháp để chỉ những vật mới như bơ (beurre) phó-mát (fromage) ô-tô (auto) bu-long (bouillon).

Cách dùng chữ nho thì hoặc là ta theo văn-phạm chữ nho, hay là ta chỉ mượn âm và nghĩa mà thôi, rồi ta dùng nó theo văn-phạm ta. Cách đầu cho ta những chữ *động-vật*, *thiên-tạo*; cách sau cho ta những chữ như *loài hổ*, *phương đông*. Có nhiều lúc ta dùng âm nho theo lối chữ nho mà thực ra người Trung-quốc không dùng như thế, ví dụ tiếng *du-thủ du-thực* chữ gốc Tàu mà chính Tàu không có.

Cách dùng tiếng Pháp thì ta bỏ bớt vần, mà chỉ giữ những vần quan-hệ, hoặc là ta đổi âm lạ ra âm quen. Vì cách ấy mà *fromage* đã thành *phó-mát*. Còn lúc nào chữ Pháp vừa ngắn và dễ đọc thì ta lấy các âm nguyên-vần. Ví dụ tiếng *ô-tô* (auto).

Đến lúc chữ mượn đã nhập-tịch rồi thì ta dùng nó theo mẹo luật ta. Tiếng *phổ* thì ghép thành *phổ nam*, *phổ khách*; *ô-tô* thì thành *ô-tô thiết-giáp*, *ô-tô hòm*.

Xem như vậy, tiếng Việt-nam có một phần lớn danh-từ chung với Trung-hoa. Thế mà vì sao nó vẫn giữ được tinh-chất đặc-biệt Việt-âm. Có phải vì âm ta khác âm Trung-hoa chăng? Đó là một lẽ, nhưng lẽ ấy không đủ. Xem như Trung-hoa có biết bao nhiêu cách đọc khác nhau. Bắc-kinh, Quảng-đông, Thượng-hải, Triều-châu đều nói khác nhau. Nhưng tiếng các xứ ấy, về phương-diện ngữ-học không có thể cho là khác nhau được. Còn tiếng Việt-nam thì riêng ra loài khác. Đó là nhờ cách ghép hai ý có *liên-lạc chỉ-định* với nhau. Trong tiếng Việt-nam *ne uc nào có hai ý mà một ý trong ấy chỉ-định ý kia thì phần bị chỉ-định đứng trước phần chỉ-định*.

Tiếng *nhà ông* gồm có hai ý: *nhà* và *ông*. *Nhà* là nói trống. Có tiếng *ông* sau thì ý *nhà* trên mới định. Tiếng *ngày trước* cũng gồm có hai ý. *Ngày* nào? *ngày trước*. Lại xem câu: *nếu trời mưa, tôi ở nhà*. Ý *tôi ở nhà* là một ý đã lộn rồi, chớ ý *nếu trời mưa* thì còn lơ lửng; nó cần có ý khác chỉ-định cho nó. Vậy cho nên ta đặt câu *nếu trời mưa lên trên câu tôi ở nhà*.

Tinh-chất vừa kể trên rất là quan-hệ. Chính nó làm cho câu ta viết thành câu Việt-âm hay không. Ví dụ những câu: *tôi tới ông nhà*, và *sách ở bàn trong*, nó khác nghĩa hẳn với *tôi tới nhà ông* và *sách ở trong bàn*. Còn lúc có hai câu thì cũng có đôi khi đổi vị-tri được.

Nhờ đặc-tính ấy, hợp với âm-hưởng rất giàu, mà tiếng ta đã được tồn-tại bên cạnh một tiếng rất mạnh là tiếng Trung-quốc.

Nay ta phải noi theo gương trước đó, chàm-chước mà dùng trong khi muốn đặt một chữ mới. Nhưng ta chớ tưởng, như nhiều người xét vấn-đề này, rằng muốn có một danh-từ Việt-nam thì phải chỉ dùng những tiếng loạn nôm cả đầu.

Trên đây là điều-kiện chung cho tất cả danh-từ chuyên-môn của Việt-ngữ, chớ cũng không phải riêng gì cho khoa-học. Người nước ta cũng đã theo đó mà đặt những chữ về triết-học về luật-học.

Nếu, người nước ta đã chịu theo học khoa-học của Âu-châu như những dân-tộc Viễn-đông khác thì chắc ngày nay cũng đã có danh-từ theo những điều-kiện ấy mà tuần-tự đã đặt ra, như danh-từ triết-lý và luật-học của ta hay là như danh-từ khoa-học của các nước láng-giềng.

Trái lại, ngày nay, chúng ta mới thấy sự thiếu-thốn cấp-bách về danh-từ khoa-học. Ta không thể đợi sự cần dùng tuần-tự mà gây nên danh-từ. Và thốt nhiên có hàng ngàn, hàng vạn ý khoa-học tơi trong óc ta. Nếu ta không can-thiệp vào trong sự kiến-thiết ấy thì không tài nào tránh khỏi những sự sai lầm, lẫn lộn.

Nói thế không phải rằng ta đặt một chữ nào cũng phải theo cho đủ các điều-kiện trên kia. Những điều-kiện trên có khi nó thành ra mâu-thuẫn, nên trong sự định-đoạt, ta lại xem cách nào tiện hơn mà chọn.

Vi vậy, không có thể đặt một tập danh-từ theo một qui-tắc nhất-định, chặt-chẽ. Đó cũng là một sự dĩ-nhiên, vì tiếng nói là một *sinh-vật*, có xác, có hồn. Ta không thể sửa chữa nó, thêm bớt nó một cách chỉ theo lý-tưởng.

Tiếng hiện-thời của các nước đều là đầy những sự vô-lý. Nhưng đổ ai cải-cách nó được. Tiếng vạn-quốc-ngữ *espéranto* và *ido* mà người ta đã đặt ra rất hợp lẽ, nhưng vì không có tính-cách một dân-tộc nào. Nên chung-qui, không có một dân-tộc nào theo cả (1).

Nói tóm lại, một danh-từ khoa-học cốt có những đức-tính sau này : *dữ, rành mạch, dễ nhớ, gọn*. Chớ cách đặt thì không duy-nhất được. Thế cũng không ngại gì, qui hồ tiếng đặt có âm-hưởng Việt-nam và có tính cách Việt-nam là được.

Chỉ có một hạng ý rất chuyên-môn, và có tính-cách riêng rẽ như ý hóa-học thì chỉ có thể làm đủ năm điều-kiện đầu về nội-dung, chớ ba điều-kiện sau về hình-thức thì nếu ta không muốn gây nhiều điều bất-tiện và khó-khăn khác, ta không nên câu nệ quá.

(1) Một thí-đủ nữa là *lich dân-quốc* của Chanh-thê cách-mạng Pháp đặt ra năm 1793. *Khế hợp-lý* tên tháng, tên ngày do một nhà thi-sĩ trữ-danh đặt rất hay : • tháng mọc mầm *tháng*, tiể hoa.. Thế mà chỉ sống có một thời-giao ngắn-ngủi.